

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 138/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 6 - 2021

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 75/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 241/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị Nhu M, sinh năm 1996

Cư trú: Số 20/16 khóm Tr, phường Th, thành phố X, tỉnh An Giang

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng Nh, sinh năm 1992

Hộ khẩu thường trú: Căn hộ số 623 Khu chung cư B, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang

Địa chỉ liên lạc: Số 12 đường Đ, khóm Ph, Đ1, thành phố X, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa bà M vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), ông Nh vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Hà Thị Nhu M trình bày:

Bà Hà Thị Nhu M và ông Nguyễn Trọng Nh tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc, sau đó từ khi bà M có thai thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng thường cãi vã nhau, làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Ông Nh thường xuyên kiểm chuyện gây gổ, hành hung, bạo hành bà, đập phá đồ đạc trong gia đình, mặc dù cố gắng lắm nhưng bà không thể hàn gắn tình cảm được.

Sau khi Tòa án mời làm việc ông Nh vẫn không có thái độ thiện chí hàn gắn mà dùng nhiều lời nói đe dọa bà, ép buộc bà phải duy trì quan hệ vợ chồng bằng bạo lực, nhăm nhin hăm dọa bà nếu ly hôn thì phải lãnh hậu quả... cùng nhiều lời nói mang tính đã kích tinh thần bà làm cho bà thấy rơi vào khủng hoảng chứ không thể nào hàn gắn tình cảm vợ chồng lại được. Ông Nh không chừng mực trong các mối quan hệ xã hội, bà đã kiểm chế, bắt gặp nhiều lần. Lần nào bắt gặp được thì ông Nh đều la mắng bà, lấn át bà để đẹp đi mọi chuyện. Vì vậy, bà kiên quyết ly hôn với ông Nh

Bà và ông Nh có một con chung là cháu Nguyễn Hà Thiên A, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2020. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con. Việc cấp dưỡng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng Nh trình bày:

Ông và bà M kết hôn có đăng ký kết hôn. Nay bà M yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn. Bà M tính hay ghen, hay nói bậy, nhiều lần gây gổ về các mối quan hệ của ông mà không có lý do chính đáng. Từ đó, vợ chồng mới hay cãi nhau, mâu thuẫn. Những lỗi lầm của vợ ông thì ông đều đã bỏ qua. Nhưng vợ ông cứ hay ghen, rồi khi đó vợ chồng cãi nhau, ông vốn dĩ nóng tính nên lời lẽ có nặng nề. Còn bản chất vợ ông tốt tính. Ông còn yêu thương vợ con nên ông không muốn ly hôn.

Nếu ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung là cháu Thiên A. Việc cấp dưỡng sẽ tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, bà M giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nh, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Thiên A. Bà M thay đổi yêu cầu, bà yêu cầu ông Nh cấp

dưỡng cho cháu Thiên A 2.000.000 đồng/tháng như hiện nay ông Nh đang thực hiện. Về tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bà M và ông Nh tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, nên là hôn nhân hợp pháp. Bà M cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn. Quá trình hòa giải, bà M vẫn kiên quyết ly hôn. Còn ông Nh không đồng ý ly hôn. Hôn nhân phải được vun bồi tình cảm từ cả hai phía, nếu chỉ có một bên cố gắng hàn gắn thì cuộc hôn nhân đó không thể hạnh phúc lâu dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông Nh không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M theo Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung: Bà M và ông Nh có 01 con chung là cháu Nguyễn Hà Thiên A sinh ngày 26 tháng 7 năm 2020. Xét thấy để đảm bảo ổn định tinh thần và quyền lợi mọi mặt của con chung, căn cứ quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên đồng ý để bà M tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bị đơn ông Nh vắng mặt, ngoài lời trình bày của bà M, chưa có cơ sở làm căn cứ xem xét mức yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng của bà M. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, buộc ông Nh cấp dưỡng 745.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Hà Thị Nhu M và ông Nguyễn Trọng Nh kết hôn có đăng ký kết hôn; bà M khởi kiện ông Nh là người hiện đang cư trú, làm việc trên địa bàn thành phố X và yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông Nh tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố X. Vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian đầu, vợ chồng bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, ông Nh hay gây gổ, hành hung bà, không chừng mực trong các mối quan hệ xã hội. Còn ông Nh cho rằng giữa vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì lớn, bà M hay ghen hay gây gổ. Xét thấy: Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng bà M xác định không còn tình cảm với ông Nh, kiên quyết xin ly hôn, không có nguyện vọng đoàn tụ nên có đơn yêu cầu Tòa án không hòa giải, sớm xét xử. Còn về phía ông Nh chỉ tham gia hòa giải, trình bày ý kiến và vắng mặt trong quá trình xét xử tiếp theo, không thể hiện được sự hàn gắn gia đình. Mặt khác, hiện nay bà M và ông Nh không còn chung sống. Những vấn đề này thể hiện mâu thuẫn của bà M và ông Nh đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà M xác định bà và ông Nh có một con chung là cháu Nguyễn Hà Thiên A, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2020. Bà M và ông Nh đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Xét thấy: Cháu Thiên A hiện nay dưới 36 tháng tuổi, đang do bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, bà M hiện có việc làm và chỗ ở ổn định. Do đó, cần áp dụng khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Thiên A cho bà M là mẹ cháu trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu.

[3.3] Về việc cấp dưỡng cho con chung: Bà M cho rằng từ khi bà và ông Nh không chung sống nhưng ông Nh mỗi tháng đều chuyển khoản cho bà 2.000.000 đồng để lo chi phí sinh hoạt cho con. Nên tại phiên tòa bà M thay đổi ý kiến và yêu cầu ông Nh cấp dưỡng cho cháu Thiên A 2.000.000 đồng/tháng. Nhận thấy, việc cấp dưỡng cho con chung là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con nên ông Nh phải thực hiện nghĩa vụ này. Quá trình giải quyết vụ án bà M và ông Nh đều xác định ông Nh hiện đang công tác tại Công an thành phố X, cấp bậc trung úy. Bà M cho rằng thu nhập ổn định của ông Nh từ lương mà bà được biết do chi trả qua tài khoản ngân hàng là khoản 9.000.000 đồng/tháng. Lời khai này phù hợp với quy định về chế độ tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang hiện nay. Do đó, ông Nh có thu nhập ổn định, mức thu nhập cao hơn thu nhập phổ thông, có khả năng thực tế cấp dưỡng cho con. Mặt khác, việc nuôi dưỡng một cháu bé dưới 36 tháng tuổi trong hoàn cảnh sống của trẻ, nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của trẻ hiện nay đòi hỏi nhiều chi phí về dinh dưỡng, khám chữa bệnh, ăn - ở, mặc - học... Vì

vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận việc cấp dưỡng theo mức cấp dưỡng như bà M yêu cầu.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nh và bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 266; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự

- Các Điều 9; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Hà Thị Nhu M được ly hôn với ông Nguyễn Trọng Nh.

2. Về con chung:

Bà Hà Thị Nhu M và ông Nguyễn Trọng Nh có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Hà Thiên A, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2020.

Bà Hà Thị Nhu M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Nguyễn Hà Thiên A. Bà Hà Thị Nhu M và thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Trọng Nh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hà Thiên A.

Ông Nguyễn Trọng Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Hà Thiên A số tiền 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng một tháng) cho đến khi cháu Nguyễn Hà Thiên A thành niên, có đủ khả năng lao động và tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí:

- Bà Hà Thị Nhu M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng

án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0009340 ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X.

- Ông Nguyễn Trọng Nh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND p. Th, tp X;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang